

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/DS-ST**

Ngày: 06-5-2022.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

2. Bà Trần Thị Kim Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-DS ngày 14/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh, sinh năm 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nh: ông Khuru Hữu H, sinh năm 1962 (văn bản ủy quyền ký ngày 09/7/2020 tại UBND xã S), có mặt.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Khuru Hữu H, sinh năm 1962, có mặt

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh Nh và tại phiên tòa ông Khuru Hữu H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 08/11/2016, chị Nh có bán cho bà Nguyễn Thị T một căn nhà và đất Tộc thừa 445 tờ bản đồ số 13 tại xã X với giá thỏa Tận là 240.000.0000 đồng, do bà T là bạn của mẹ chị Nh nên chị Nh bán đất Nhng để từ từ trả, chị Nh cho bà T trả tiền nhà làm hai lần, lần 1 trả 120 triệu đồng, lần 2 trả 120 triệu đồng và bà T đưa

trước cho chị Nh 120 triệu, còn 120 triệu bà T hẹn đến ngày 18/3/2018 sẽ trả Nhng bà T hứa hẹn nhiều lần Nhng vẫn không trả. Sau đó, chị Nh làm đơn khởi kiện chị T tại Tòa án Xuân Lộc và chị T có đến Tòa làm việc và cam kết sẽ trả hết số tiền 120 triệu đồng còn lại cho chị Nh và bà T đã viết một tờ giấy cam kết trả nợ ngày 22/10/2019 cho chị Nh nên chị Nh rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ vụ án số 75/2019/QĐST-DS ngày 24/10/2019, Nhng sau đó bà T chỉ trả được 30 triệu đồng. Nh vậy bà Nguyễn Thị T còn nợ chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh số tiền là 90.000.000 đồng. Nhiều lần đến nhà bà T yêu cầu trả nợ Nhng bà T cứ hẹn và cố tình không trả, nên chị Nh nộp đơn khởi kiện lần hai và yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho chị Nh số tiền còn lại 90.000.000 đồng, chị Nh không yêu cầu lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng Nh tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị T trình bày: bà Nguyễn Thị T thừa nhận mua của chị Nh căn nhà và đất tại Xuân Hiệp với giá 240 triệu đồng, hiện nay bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị T có trả trước cho chị Nh 120 triệu đồng, sau khi chị Nh khởi kiện đến Tòa Xuân Lộc thì chị T cam kết trả số tiền 120 triệu đồng lần 2 cho chị Nh làm nhiều lần. Theo bà Nguyễn Thị T, thì bà T không còn nợ tiền chị Nh, vì theo bà T khai là bà đã trả số tiền 90.000.000 đồng cho ông Khuru Hữu H là cha ruột của chị Nh nhận thay cho chị Nh nên bà T xác định không còn nợ tiền chị Nh nữa nên bà Nguyễn Thị T không đồng ý trả số tiền 90.000.000 đồng cho chị Nh.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Khuru Hữu H trình bày: ông là cha ruột của chị Nh, mẹ chị Nh đã mất, ông nuôi chị Nh từ nhỏ. Ông thống nhất với lời trình bày của chị Nh về nội dung sự việc và số tiền nợ, bà T trình bày là đã trả số tiền 90 triệu đồng cho ông nhận thay chị Nh là không có, ông có đến nhà bà T nhiều lần để lấy nợ thay cho chị Nh Nhng bà T không cho vào nhà còn chửi bới ông, ông H xác định là ông chưa nhận số tiền 90 triệu từ bà T và bà T chưa lần nào đưa tiền cho ông nhận, nếu bà T cho rằng đã đưa tiền cho ông nhận thì đề nghị bà T cung cấp giấy tờ đã đưa tiền cho ông.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật: việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến nay đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quyền và nghĩa vụ. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Quan điểm về giải quyết vụ án: trong quá trình giải quyết vụ án bà T khai đã đưa số tiền 90 triệu đồng cho ông Khuru Hữu H là cha của chị Nh Nhng bản thân chị T không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa cũng Nh không cung cấp các tài liệu chứng cứ Nh bà T đã khai thể hiện bà T đã trả nợ, lời khai ông H khai là chưa nhận của bà T số tiền còn lại, do vậy bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình nên không đủ cơ sở để xác định bà T đã trả nợ, do vậy đề nghị HDXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh số tiền 90.000.000 đồng, do chị Nh không yêu cầu lãi suất nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai Nhng bà T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Vụ án được xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại khoản 6 Điều 26 và Điều a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu các đương sự thì thấy: chị Nh yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ ngày 20/9/2019 có chữ ký và chữ viết bà T, tuy nhiên bà T không đồng ý trả số tiền 90.000.000 đồng vì bà T cho rằng đã đưa số tiền 90.000.000 đồng cho ông Khuru Hữu H nhận là cha của chị Nh nhận. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa thì ông H trình bày bà T chưa đưa số tiền 90.000.000 đồng cho ông. Xét lời khai của bà Nguyễn Thị T thì thấy, bà T cho rằng đã đưa số tiền 90.000.000 đồng cho ông H là cha của chị Nh nhận Nhng qua lời khai của ông H xác định ông H không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà T. Mặt khác, bản thân bà T cho rằng đã đưa tiền cho ông H nhận Nhng bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện đã giao tiền cho ông H, chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh xác định chưa nhận được khoản tiền 90.000.000 đồng từ bà T. Bà Nguyễn Thị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện đã trả cho chị Nh 90.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nh buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh số tiền 90.000.000 đồng, do chị Nh không yêu cầu lãi suất nên không xem xét giải quyết .

[4] Về xác định tư cách tố tụng: chị Nh không yêu cầu ông Phạm Văn Luận là chồng bà Nguyễn Thị T phải liên đới thanh toán nợ cho chị Nh do ông Luận không biết và không liên quan đến số tiền nợ, mặt khác bà T là vợ của ông Luận cũng khai là ông Luận không biết và không liên quan đến khoản nợ nên chị T không yêu cầu ông Luận phải có trách nhiệm nên không buộc ông Luận phải liên đới trả nợ cho chị Nh và không đưa ông Luận với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[6] Về án phí: do yêu cầu của chị Nh được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng, hoàn trả tạm ứng án phí cho chị Nh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh số tiền vay là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thế Huỳnh Nh số tiền 2.250.000 đồng theo biên lai T số 0004376 ngày 30/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS. Huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS. Huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang